

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH THẤP CHIỀU CAO NHỎ GỌN

Thích hợp cho trần hẹp



FDLF40/50/60/71/85DV1



Tùy chọn Phụ kiện cần thiết cho dàn lạnh.

Series FDLF

- Điều khiển từ xa có dây đơn giản (Có dây) *¹



BRC2E61

Lưu ý: ¹ Cáp điều khiển từ xa không được bao gồm và được mua tại địa phương.

- Điều khiển từ xa không dây *²



Một chiều lạnh

BRC4C66



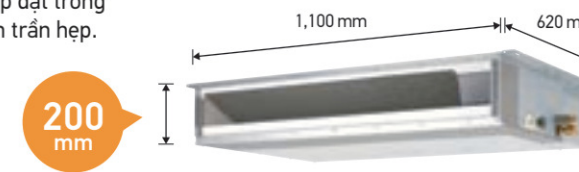
Thiết bị nhận tín hiệu
(Lắp đặt rời)
Điều khiển từ xa không dây và
thiết bị nhận tín hiệu được bán
theo bộ.

Lưu ý: ² Thiết bị nhận tín hiệu phải được lắp thêm vào dàn lạnh.

Thiết kế mỏng và nhỏ gọn

Chiều cao chỉ 200 mm

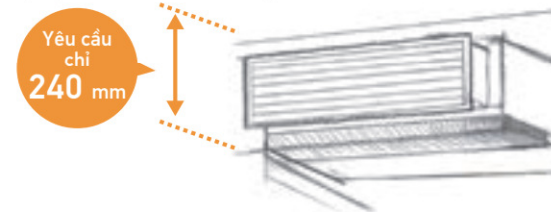
Dễ dàng lắp đặt trong
không gian trần hẹp.



Dàn lạnh	FDLF40/50/60	FDLF71/85
Cao	200 mm	
Rộng	900 mm	1,100 mm
Dày	620 mm	
Trọng lượng	28 kg	31 kg

Lắp đặt trong vách

Loại dàn lạnh nổi ống gió mỏng có thể được giấu bên trong trần nhà giúp không gian bên ngoài gọn gàng. Việc lắp đặt này thích hợp cho các phòng khách với trần nhà thấp hoặc không gian nội thất cần giấu dàn lạnh.
Series FDLF có chiều rộng 900 và 1,100 mm và giúp cho các dàn lạnh này trở nên lý tưởng trong các không gian hẹp.
Tất cả các model có chiều cao 200 mm cần không gian chỉ 240 mm từ vị trí trần treo và phần trần nhà trống. Với những kích thước nhỏ gọn này, bất kỳ dàn lạnh nào cũng có thể dễ dàng lắp đặt trên các trần nhà hẹp.



Miệng gió cấp

Khe hút và cửa gió hồi
(các bộ phận được mua tại địa phương)

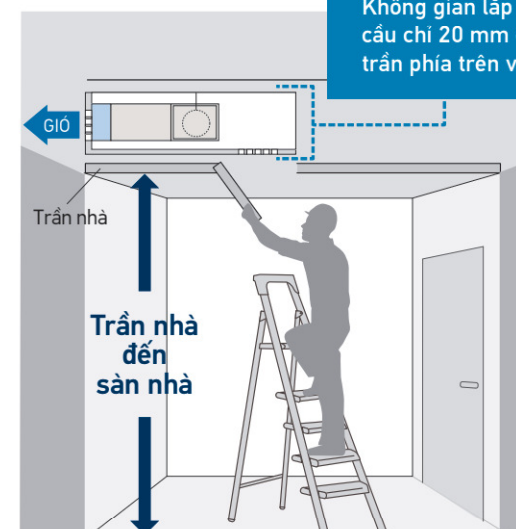
Thoải mái

Tốc độ quạt: 3 bước

Dễ dàng bảo trì

Chỉ 1 cửa dịch vụ

Chủ đầu tư sẽ tiết kiệm không gian cho các dịch vụ
bảo hành / bảo trì



Không gian lắp đặt yêu
cầu chỉ 20 mm cách
trần phía trên và dưới

GIÓ

Trần nhà

Trần nhà
đến
sàn nhà

Thiết kế mỏng

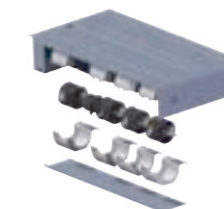
Không gian bị giới hạn
cho lắp đặt và bảo trì

Bảo trì dễ dàng và nhanh chóng.

Vệ sinh dễ dàng và nhanh chóng

Hiện tại

Cần phải tháo rời từng bộ phận



Mới

Động cơ quạt tích hợp có thể
được tháo và lắp đặt lại trong
một lần



Dễ dàng mở hộp điện từ phía dưới

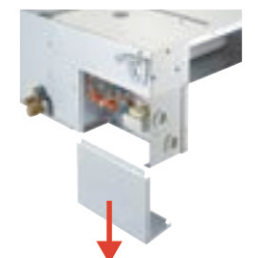
Hiện tại

Cần không gian bên trong trần
cho việc bảo trì hộp điện



Mới

Tất cả việc bảo trì dây điện và hộp điện
có thể được thực hiện từ phía dưới



Stylish Remote Controller (Điều Khiển Từ Xa Có Dây Thời Trang)

BRC1H63W/K



BRC1H63W(Trắng)



BRC1H63K(Đen)

Series RZF

Series RZA

*SeriesFCTF, FCF, FBA và FHA.



Website của Điều khiển từ xa BRC1H

Thiết Kế Kiểu Dáng Thời Trang

Giống như sự hoàn hảo mà thiết kế tròn mang lại, bộ điều khiển từ xa cho phép bạn kiểm soát không khí tối ưu trong không gian của mình.

Giao Diện Thân Thiện Với Người Dùng

Bộ điều khiển từ xa mới kết hợp nhiều tính năng và sự đơn giản. Điều khiển nút cảm ứng tối giản phòng to màn hình điều này giúp bộ điều khiển từ xa trở nên dễ dàng và thú vị khi sử dụng.



ỨNG DỤNG DAIKIN cho Người Lắp Đặt

Đơn giản hóa các cài đặt nâng cao như là cài đặt tại công trình và cài đặt các giới hạn nhiệt độ.

- Giao diện trực quan đơn giản hóa các đặt nâng cao như kích hoạt tiết kiệm năng lượng, hạn chế cài đặt, v.v.
- Vận hành dễ dàng và nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người lắp đặt.
- Có công nghệ Bluetooth tiết kiệm năng lượng.



*Apple iOS 16, Android 13.



Quản Trị Hữu Ích / Cài Đặt Nhanh Hơn và Dễ Dàng Hơn

Ứng dụng điện thoại được kết nối với bộ điều khiển này cung cấp 2 chế độ, Chế độ chủ sở hữu / chế độ quản trị viên và chế độ người cài đặt (không có chế độ người dùng).^{*1}

Chế độ Chủ sở hữu / Quản trị viên cung cấp những cài đặt

- Cài đặt duy trì
- Cài đặt giới hạn nhiệt độ
- Khoá chức năng v.v.

Chế độ người cài đặt giúp cài đặt nhanh hơn và

- Thiết lập nhiều cài đặt cùng một lúc
- Lưu và sử dụng lại cài đặt v.v.



*Bluetooth tiết kiệm năng lượng 4.2.

Chức năng Streamer

Cài đặt BẬT/TẮT Streamer và biểu tượng trạng thái có sẵn.

- Chức năng Streamer (cài đặt chống ẩm mốc) có thể cài đặt BẬT/TẮT bằng cách cài đặt trước với bộ điều khiển từ xa.

Chức năng mới tiện lợi

- Hẹn giờ TẮT: Khoảng thời gian có thể được cài đặt trước từ 1 đến 96 giờ trong khoảng thời gian 1 giờ.
- Cài đặt thời gian hẹn trong tuần
- OTA (Truyền dẫn không dây): Cập nhật phần mềm điều khiển hoặc hệ thống được BẬT bằng nút BẬT/TẮT.
- Zigbee™ sensor interlocking

Chức năng duy trì nhiệt độ (Setback)

Duy trì nhiệt độ phòng trong một phạm vi cụ thể khi TẮT hệ thống (bởi người dùng hoặc hẹn giờ TẮT). Để đạt được điều này, hệ thống tạm thời chạy ở chế độ vận hành Làm lạnh hoặc Sưởi, tùy theo nhiệt độ cài đặt ngược và chênh lệch thu hồi.

Hoạt động làm lạnh

- Nhiệt độ cài đặt ngược có thể cài đặt từ giới hạn trên của điểm cài đặt +1°C đến 35°C.

Ví dụ: Khi nhiệt độ giới hạn trên được cài đặt ở 27°C bằng chức năng cài đặt giới hạn nhiệt độ, Nhiệt độ cài đặt ngược có thể chọn từ 28°C đến 35°C.

- Chênh lệch thu hồi có thể được thiết lập lên tới -8°C từ nhiệt độ cài đặt ngược.

Hoạt động sưởi

- Nhiệt độ cài đặt ngược có thể được cài đặt từ giới hạn dưới của điểm cài đặt -1°C đến 5°C.

Ví dụ: Khi nhiệt độ giới hạn dưới được đặt ở 15°C bằng chức năng cài đặt giới hạn nhiệt độ, Nhiệt độ cài đặt ngược có thể chọn từ 14°C đến 5°C.

- Chênh lệch thu hồi có thể được thiết lập lên tới +8°C từ nhiệt độ cài đặt ngược.

- Cài đặt ngược BẬT hệ thống trong ít nhất 30 phút, trừ khi nhiệt độ cài đặt lại bị thay đổi hoặc hệ thống được BẬT bằng nút BẬT/TẮT.

Lưu ý: *1 Chế độ người lắp đặt yêu cầu mã QR dành riêng để khởi động. Liên hệ với văn phòng kinh doanh Daikin của bạn.

Navigation Remote Controller (Điều khiển từ xa điều hướng, loại có dây)

BRC1E63

Vận hành dễ dàng và trơn tru, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên bộ navigation remote controller.



Series RZF

Series RZA

Series FFFC

*Series FCTF, FCF, FBA, FVA, FHA và FFFC.

Tiết kiệm năng lượng

Tự động trở về nhiệt độ cài đặt

- Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt mới sẽ trở về giá trị đặt trước của trước đó sau một khoảng thời gian đặt trước.
- Khoảng thời gian có thể lựa chọn từ 30, 60, 90 hoặc 120 phút.

Hẹn giờ TẮT (được lập trình)

- Đặt và lưu cài đặt trong khoảng thời gian tự động TẮT máy điều hòa không khí sau một khoảng thời gian đặt trước cho mỗi lần bắt đầu hoạt động.
- Khoảng thời gian có thể được cài đặt trước từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

Giới hạn nhiệt độ cài đặt

- Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ cài đặt tối thiểu và tối đa.
- Tránh sưởi ấm hoặc làm lạnh quá mức.
- Chức năng này rất tiện lợi nếu bộ điều khiển từ xa được cài đặt ở nơi bất kỳ ai cũng có thể thay đổi cài đặt.

Tiện nghi

Lập lịch hàng tuần

- 5 hành động mỗi ngày có thể được lên lịch cho mỗi ngày trong tuần.
- Chức năng ngày lễ sẽ tắt hẹn giờ lên lịch cho những ngày đã được đặt là ngày nghỉ.
- Có thể thiết lập 3 lịch trình độc lập (ví dụ: mùa hè, mùa đông, giữa mùa)

Duy trì nhiệt độ (mặc định: TẮT)

- Duy trì nhiệt độ phòng trong một phạm vi cụ thể trong thời gian không có người sử dụng bằng cách khởi động tạm thời máy điều hòa không khí đã được TẮT.

Giám sát tiêu thụ năng lượng^{*1,2,3,4}

- Có thể kiểm tra mức tiêu thụ điện năng trong quá khứ cho ngày hiện tại và trước đó (khoảng thời gian 2 giờ), tuần (khoảng thời gian 1 ngày) và năm (khoảng thời gian 1 tháng).

Lưu ý:

- ^{*1} Tính khả dụng của chức năng này có thể thay đổi tùy theo kiểu máy (giới hạn ở một phần chức năng)
- ^{*2} Căn cài đặt thời gian.
- ^{*3} Không thể sử dụng chức năng này trong khi điều khiển nhóm.
- ^{*4} Đây là giá trị tham chiếu để so sánh và không dùng làm giá trị phục vụ mục đích kiểm kê tính toán hóa đơn tiền điện hoặc hợp đồng mua bán điện. Vì đây là một phép tính tiêu thụ điện năng đơn giản nên có những trường hợp giá trị tính toán khác với kết quả đo của đồng hồ đo điện.

BRC2E61

Chọn chế độ hoạt động

Lưu lượng gió (Tốc độ quạt)



Nút Bật/Tắt

Điều chỉnh nhiệt độ (+/-)

Hướng thổi gió

Series RZFC

*Series FCFC, FFFC, FBFC, FDLF và FHFC.

Vận hành đơn giản

Chỉ cần sử dụng 6 phím, người dùng có thể điều khiển trực tiếp các chức năng cơ bản. Điều này cho phép người dùng tự điều chỉnh sự thoải mái theo nhu cầu.

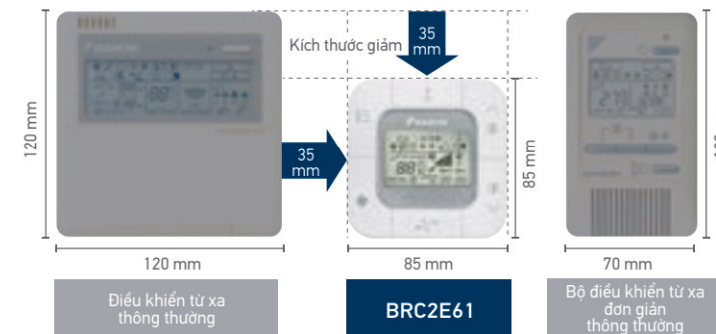
Thiết kế trực quan

Bằng cách sử dụng hình ảnh trực quan, giao diện thân thiện với người dùng cho phép:

- Khách nước ngoài tại khách sạn dễ dàng hiểu các chức năng mà không cần biết ngoại ngữ.
- Trẻ em và người già ở nhà dễ dàng điều chỉnh mà không cần phải đọc các lệnh khó nhìn, khó hiểu.

Nhỏ gọn

Kích thước chỉ 85 x 85 mm, bộ điều khiển từ xa mới cực kỳ nhỏ gọn và phù hợp cho mọi thiết kế nội thất.



CHỨC NĂNG

Tổng quan về các chức năng

Inverter Tiêu Chuẩn

Series RZFC

Một chiều lạnh

		GIẤU TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH		GIẤU TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH THẤP CHIỀU CAO NHỎ GỌN	
Dàn lạnh		 FBFC40-140DVM		 FDLF40-85DV1	
Dàn nóng		RZFC40-100EVM RZFC71-140EY1		RZFC40-85EVM RZFC71/85EY1	
Điều khiển từ xa	Có dây	BRC2E61	———	BRC2E61	———
	Không dây	———	BRC4C66	———	BRC4C66

Tiết Kiệm Năng Lượng	1	Giám sát tiêu thụ điện năng			
	2	Chế độ cảm biến dừng			
	3	Chế độ cảm biến tốc độ thấp			
	4	Tự động hiển thị TẮT			
	5	Tự động trở về điểm cài đặt			
	6	Cài đặt biên độ			
	7	Hẹn giờ TẮT (đã lập trình)			
	8	Hẹn giờ lập lịch hàng tuần			
	9	Hẹn giờ BẬT/TẮT	●	●	●
Tiện Nghi	10	Luồng gió tuần hoàn			
	11	Duy trì nhiệt độ cài đặt			
	12	Khởi động nhanh			
	13	Điều khiển luồng gió độc lập			
	14	Cảm biến hiện diện người hồng ngoại			
	15	Cảm biến sàn hồng ngoại			
	16	Luồng gió tự động (thời trực tiếp, tránh gió lùa)			
	17	Đảo gió tự động			
	18	Lựa chọn kiểu đảo gió			
	19	Chức năng ngăn gió lùa (chiều xuôi)			
	20	Động cơ quạt DC (Dàn lạnh)			
	21	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ
	22	Điều chỉnh lượng gió tự động			
	23	Chế độ quạt tốc độ cao			
	24	Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn *1		●	●
	25	Ứng dụng cho trần nhà cao			
	26	Khởi động nóng			
	27	Ứng dụng làm lạnh quanh năm			
	28	Vận hành êm vào ban đêm *2			
Vệ Sinh	29	Thiết bị lọc không khí Streamer			
	30	Phin lọc kháng khuẩn		▲	
	31	Phin lọc chống mốc			●
	32	Máng nước xả có chứa ion bạc kháng khuẩn		●	
Vận Hành & Bảo Trì	33	Mặt nạ lưới tự động			
	34	Hệ thống bơm nước xả		▲	
	35	Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 10/15 m *2		●	●
	36	Phin lọc siêu bền		▲	
	37	Tín hiệu phin lọc			●
	38	Phát hiện áp suất gas thấp *2		●	●
	39	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp		●*5	●*5
	40	Chức năng tự chẩn đoán		●	●
	41	Hiển thị liên lạc về dịch vụ			
Điều Khiển	42	Tự khởi động lại		●	●
	43	Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi			
	44	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa *3		●	●
	45	Điều khiển nhóm bằng 1 bộ điều khiển từ xa		●	
	46	Khóa liên động thiết bị ngoại vi			
	47	Tín hiệp ngoại vi TẮT cưỡng bức và vận hành BẬT/TẮT		●	
	48	Khóa liên động chia khóa tử và cửa chính/ cửa sổ			
	49	Điều khiển theo lệnh ngoại vi *4		▲	
	50	Điều khiển trung tâm từ xa		●	
	51	Điều khiển khóa liên động với HRV		●	●
	52	Tiêu chuẩn giao tiếp DIII-NET		●	
Tùy Chọn	53	Thiết bị lọc khí UV Streamer			
	54	Phin lọc hiệu suất cao		▲	
	55	Phin lọc tuổi thọ cao			
	56	Phin lọc hiệu suất cao MERV 8			
	57	Bộ nạp gió tươi			

ÁP TRẦN		TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN	
 FHFC40-140EV1		 FVFC71-140AV1	
RZFC40-100EVM RZFC71-140EY1		RZFC71-100A(G)V19 RZFC125-140AY19	
BRC2E61	———	BRC51D61	———
———	BRC7GA56	———	BRC52A62

1				
2				
3				
4				
5				
6				
7			●	
8			●	
9	●	●	●	●
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17	●	●	● Trái - Phải	
18				
19				
20		●		
21	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ	● 3 tốc độ
22	●			
23				
24	●		●	
25	● 3.5m / 4.3m	● 3.5m / 4.3m		
26				
27				
28				
29				
30		●		
31			●	
32				
33				
34		▲		▲
35		●		
36		●		
37			●	
38		●		
39		●*5		
40	●	●	●	●
41				
42		●		●
43				
44	●	●	●	●
45	●	●	●	●
46				
47		●		
48				
49		▲		
50		●		
51		●	▲	
52		●		
53				
54				
55				
56				
57				

Lưu ý: ●: Chức năng có sẵn.
▲: Chức năng tùy chọn.

*1: Áp dụng khi sử dụng điều khiển có dây.
*2: Áp dụng cho các dàn nóng.
*3: Các kết hợp có sẵn được hiển thị trong bảng *3.
*4: Cần bộ tiếp hợp nối dây cho thiết bị điện (và hộp lắp đặt).
*5: Chỉ áp dụng cho dàn nóng RZFC-EY1.

Bảng *3		Chính	
		Điều khiển từ xa	
		BRC1E63	BRC2E61
Phụ	Có dây	BRC1E63	●
		BRC2E61	●
	Không dây	BRC4C* BRC7C/E/F/G*	●
		BRC7M* BRC4M*	●

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH (1 Pha)

			40	50	60	71	85	100	
Tên Model	Dàn lạnh		FBFC40DVM9	FBFC50DVM9	FBFC60DVM9	FBFC71DVM9	FBFC85DVM9	FBFC100DVM9	
	Dàn nóng		RZFC40EVM	RZFC50EVM	RZFC60EVM	RZFC71EVM	RZFC85EVM	RZFC100EVM	
Nguồn điện	Dàn lạnh		1 Pha, 220~240 / 220-230V, 50 / 60Hz						
	Dàn nóng								
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW		4.0 (1.8-4.5)	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	8.5 (4.2-10.0)	10.0 (5.0-11.2)	
		Btu/h	13,600 (6,100-15,400)	17,000 (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	29,000 (14,300-34,100)	34,100 (17,100-38,200)	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW	1.10	1.58	2.05	2.35	2.62	3.48	
COP		kW/kW	3.64	3.16	2.93	3.02	3.24	2.87	
CSPF		kWh/kWh	4.82	4.60	4.45		4.38		
Dàn lạnh	Màu sắc								
	Quạt	Lưu lượng gió (C/TB/T)	m ³ /phút	15.5 / 12 / 9			25 / 20 / 16.5		36 / 30.5 / 25
			cfm	547 / 424 / 318			883 / 706 / 582		1,271 / 1,077 / 883
			Áp suất tĩnh bên ngoài ³	Pa	Định mức 30 (30-130)			Định mức 40 (40-140)	
		Độ ồn ⁴ (C/TB/T)	dB(A)	37 / 35 / 30			39 / 37 / 34		40 / 37.5 / 35
	Phin lọc khí ⁵								
	Kích thước (C×R×D)		mm	245×700×800			245×1,000×800		245×1,400×800
	Trọng lượng máy		kg	26			36		46
	Phạm vi hoạt động		°CWB	14 đến 25					
	Dàn nóng	Màu sắc		Trắng ngà					
Dàn tản nhiệt		Loại	Micro channel + Mạ kẽm						
Máy nén		Loại	Swing dạng kín						
		Công suất động cơ	kW	1.10		1.20	1.30	1.60	
Mức nạp môi chất làm lạnh (R32)		kg	0.6 (Đã nạp cho 15 m)		0.7 (Đã nạp cho 10 m)	0.8 (Đã nạp cho 10 m)	1.0 (Đã nạp cho 15 m)		
Độ ồn ⁴		Làm lạnh	dB(A)	48	49	50	51	52	
Kích thước (C×R×D)		mm	595×845×300			695×930×350			
Trọng lượng máy		kg	34			37	44		
Phạm vi hoạt động		°CDB	21 đến 46						
Kết nối đường ống		Lồng (Loe)		mm	ø 6.4			ø 9.5	
	Hơi (Loe)		mm	ø 12.7			ø 15.9		
	Nước xả	Dàn lạnh	mm	VP25 (Đường kính trong ø 25×Đường kính ngoài ø 32)					
		Dàn nóng ⁶	mm	Kết nối lỗ đường kính trong ø 16					
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị			m	30 (Chiều dài tương đương 40)			50 (Chiều dài tương đương 70)		
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt			m	15			30		
Cách nhiệt			Cả ống lồng và ống hơi						

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH THẤP - CHIỀU CAO NHỎ GỌN (1 Pha)

			40	50	60	71	85	
Tên Model	Dàn lạnh		FDLF40DV1	FDLF50DV1	FDLF60DV1	FDLF71DV1	FDLF85DV1	
	Dàn nóng		RZFC40EVM	RZFC50EVM	RZFC60EVM	RZFC71EVM	RZFC85EVM	
Nguồn điện	Dàn lạnh		1 Pha, 220~240 / 220-230V, 50 / 60Hz					
	Dàn nóng							
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW		4.0 (1.8-4.5)	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	8.5 (4.2-10.0)	
		Btu/h	13,600 (6,100-15,400)	17,000 (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	29,000 (14,300-34,100)	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW	1.08	1.55	2.05	2.51	3.17	
COP		kW/kW	3.70	3.23	2.93	2.83	2.68	
CSPF		kWh/kWh	4.98	4.76	4.25	4.32	4.08	
Dàn lạnh	Màu sắc							
	Quạt	Lưu lượng gió (C/TB/T)	m ³ /phút	16 / 14 / 12			20 / 18 / 16.5	
			cfm	565 / 494 / 424			706 / 635 / 582	
		Áp suất tĩnh bên ngoài	Pa	Định mức 15 (15-38)				
		Độ ồn ³ (C/TB/T)	dB(A)	37 / 33 / 30			40 / 37 / 34	
	Phin lọc khí ⁴			Phin lọc chống mốc (Có thể tháo rời / Có thể rửa / Chống nấm mốc)				
	Kích thước (CxRxD)		mm	200x900x620			200x1,100x620	
	Trọng lượng máy		kg	28			31	
	Phạm vi hoạt động		°CWB	14 đến 25				
Dàn nóng	Màu sắc		Trắng ngà					
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel + Mạ kẽm					
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín					
		Công suất động cơ	kW	1.10		1.20	1.30	1.60
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)		kg	0.6 (Đã nạp cho 15 m)		0.7 (Đã nạp cho 10 m)	0.8 (Đã nạp cho 10 m)	1.0 (Đã nạp cho 15 m)
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48	49	49	50	51
	Kích thước (CxRxD)		mm	595x845x300			695x930x350	
	Trọng lượng máy		kg	34			37	44
	Phạm vi hoạt động		°CDB	21 đến 46				
	Kết nối đường ống	Lồng (Loe)		mm	ø 6.4			ø 9.5
Hơi (Loe)		mm	ø 12.7			ø 15.9		
Nước xả		Dàn lạnh	mm	VP25 (Đường kính trong ø 25×Đường kính ngoài ø 32)				
		Dàn nóng ⁵	mm	Kết nối lỗ đường kính trong ø 16				
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị		m	30 (Chiều dài tương đương 40)					50 (Chiều dài tương đương 70)
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m	15					30
Cách nhiệt			Cả ống lồng và ống hơi					

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH (3 Pha)

			71	85	100	125	140		
Tên Model	Dàn lạnh		FBFC71DVM9	FBFC85DVM9	FBFC100DVM9	FBFC125DVM9	FBFC140DVM9		
	Dàn nóng		RZFC71EY1	RZFC85EY1	RZFC100EY1	RZFC125EY1	RZFC140EY1		
Nguồn điện	Dàn lạnh		3 Pha, 380-415V, 50Hz						
	Dàn nóng								
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)			kW	7.1 (3.2-8.0)	8.5 (4.2-10.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)	
			Btu/h	24,200 (10,900-27,300)	29,000 (14,300-34,100)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)	
Điện năng tiêu thụ		Làm lạnh ¹	kW	2.35	2.62	3.48	4.67	6.06	
COP			kW/kW	3.02	3.24	2.87	2.68	2.31	
CSPF			kWh/kWh	4.38			4.08	3.96	
Dàn lạnh	Màu sắc		-----						
	Quạt	Lưu lượng gió (C/TB/T)	m ³ /min	25 / 20 / 16.5			36 / 30.5 / 25		
			cfm	883 / 706 / 582			1,271 / 1,077 / 883		
			Áp suất tĩnh bên ngoài ³	Pa	Định mức 40 (40-140)			Định mức 50 (50-150)	
	Độ ồn ⁴ (C/TB/T)		dB(A)	39 / 37 / 34			40 / 37.5 / 35		
	Phin lọc khí ⁵		-----						
	Kích thước (C×R×D)		mm	245×1,000×800			245×1,400×800		
	Trọng lượng máy		kg	36			46		
	Phạm vi hoạt động		°CWB	14 đến 25					
Dàn nóng	Màu sắc		Trắng ngà						
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel + Mạ kẽm						
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín						
		Công suất động cơ	kW	1.60			2.40		
	Mức nạp môi chất làm lạnh (R32)		kg	1.0 (Đã nạp cho 15 m)			1.35 (Đã nạp cho 15 m)		
	Độ ồn ⁴	Làm lạnh	dB(A)	50	51	52	54	56	
	Kích thước (C×R×D)		mm	695×930×350			990×940×320		
	Trọng lượng máy		kg	46			62		
	Phạm vi hoạt động		°CDB	21 đến 46					
	Kết nối đường ống	Lồng (Loe)		mm	ø 9.5				
Hơi (Loe)		mm	ø 15.9						
Nước xả		Dàn lạnh	mm	VP25 (Đường kính trong ø 25×Đường kính ngoài ø 32)					
		Dàn nóng ⁶	mm	Kết nối lỗ đường kính trong ø 16			Kết nối lỗ đường kính trong ø 25		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị			m	50 (Chiều dài tương đương 70)					
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt			m	30					
Cách nhiệt			Cả ống lồng và ống hơi						

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB. Đường ống môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang).
² Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³ Áp suất tĩnh bên ngoài có thể thay đổi theo 11 mức độ bằng điều khiển từ xa.
⁴ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.
⁵ Phin lọc khí không phải là phụ kiện tiêu chuẩn phải có, nhưng khuyến cáo gắn bộ phận này vào hệ thống ống nối gió ở phía hút gió. Chọn hiệu suất lọc bụi (phương pháp trọng lực) 50% hoặc hơn.
⁶ Cần có nút thoát nước.

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB. Đường ống môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang).
² Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.
⁴ Phin lọc khí không phải là phụ kiện tiêu chuẩn phải có, nhưng khuyến cáo gắn bộ phận này vào hệ thống ống nối gió ở phía hút gió. Chọn hiệu suất lọc bụi (phương pháp trọng lực) 50% hoặc hơn.
⁵ Cần có nút thoát nước.

CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI NHỎ GỌN

STT	Mục	Tên phụ kiện			Tên model		Phụ kiện bắt buộc-1	Lưu ý
					FFFC 35/50/60/71AVM			
1	Mặt nạ	Mặt nạ trần lưới			BYFQ60CAW			
2		Bộ cảm biến			BRYQ60AAW		BRC1E63	*1
3		Tấm chắn miệng gió			BDBHQ44C60			
4	IAQ	Bộ nạp gió tươi			KDDQ44XA60			
5	Phin lọc	Phin lọc thay thế tuổi thọ cao			KAF441C60			
6	Điều khiển từ xa	Navigation remote controller		Có dây	BRC1E63			*1,2
7		Điều khiển từ xa đơn giản		Có dây	BRC2E61			*2
8		Điều khiển từ xa		Không dây	Một chiều lạnh		BRC7M531W	
9	Điều khiển	Điều khiển từ xa trung tâm			DCS302CA61			*5
10		Điều khiển BẬT/TẮT đồng nhất			DCS301BA61			*5
11		Bộ lập trình thời gian			DST301BA61			*5
12		intelligent touch controller			DCS601C51			*5
13		MÔI Điều khiển Simple touch			DTP401A61		DTP401A62	*5
14		MÔI Điều khiển Simple touch		Bộ đổi nguồn AC	Cho Việt Nam		DTP401A62	
15	Thiết bị	Bộ chuyển đổi dây			BRP11B62		KRP1BB101	*3
16		Bộ chuyển đổi dây cho phụ kiện điện(2)			KRP4AA53		KRP1BB101	*3
17		Hộp lắp đặt cho bộ chuyển đổi PCB			KRP1BB101			*4
18	Cảm biến điều khiển từ xa	Cảm biến từ xa (cho nhiệt độ trong nhà)			BRCS01A-6			
19	Không dây	Bộ điều hợp kết nối mạng LAN không dây			BRP072C42-1			

Lưu ý:
*1. Khi sử dụng bộ cảm biến (BRYQ60AAW), phải sử dụng bộ điều khiển từ xa có dây BRC1E63. BRC2E61 không có chức năng cảm biến.
*2. Dây điện cho bộ điều khiển từ xa có dây phải được mua tại địa phương.
*3. Ấn có hộp lắp đặt cho PCB bộ điều hợp (KRP1BB101).
*4. Có thể lắp tối đa 2 hộp lắp đặt cho mỗi dàn lạnh.
*5. Dàn lạnh được trang bị tiêu chuẩn với bộ chuyển đổi giao diện cho series SkyAir. Không cần tùy chọn.

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BỊ

STT	Mục	Tên phụ kiện			Tên model					Phụ kiện bắt buộc-1	Lưu ý
					FBA 50/60/71 BVMA	FBA 100/125/140 BVMA	FBFC 40/50/60 DVM	FBFC 71/85 DVM	FBFC 100/125/140 DVM		
1	Mặt nạ	Mặt nạ bảo trì	Trắng sáng		KTBJ25K80F	KTBJ25K160F	KTBJ25K56F	KTBJ25K80F	KTBJ25K160F		
2	Phin lọc	Phin lọc tuổi thọ cao			KAF631C80	KAF631C160	KAF631C56	KAF631C80	KAF631C160		*1
3		Phin lọc hiệu suất cao		65%	KAF632C80	KAF632C160	KAF632C56	KAF632C80	KAF632C160		*1
4				90%	KAF633C80	KAF633C160	KAF633C56	KAF633C80	KAF633C160		*1
5		Khoang lọc (cho hút gió phía sau)			KDDFP63B80	KDDFP63B160	KDDFP63B56	KDDFP63B80	KDDFP63B160		*1
6	Lưu lượng	Bộ chuyển đổi xả gió			KDAP25A71A	KDAP25A140A	KDAP25A56A	KDAP25A71A	KDAP25A140A		
7		Tấm chắn cho mặt bên			KDBD63A160						
8	Điều khiển từ xa	Điều khiển từ xa thời trang	Có dây	Trắng	BRC1H63W		—				*2
9			Đen	BRC1H63K		—				*2	
10		Navigation remote controller	Có dây	BRC1E63		—				*2	
11		Điều khiển từ xa đơn giản	Có dây	—		BRC2E61				*2	
12		Điều khiển từ xa	Không dây	Một chiều lạnh	BRC4C66						
13				Hai chiều	BRC4C65		—				
14	Điều khiển	Điều khiển từ xa trung tâm			DCS302CA61						*6
15		Điều khiển BẬT/TẮT đồng nhất			DCS301BA61						*6
16		Bộ lập trình thời gian			DST301BA61						*6
17		intelligent touch controller			DCS601C51						*6
18		MÔI	Điều khiển Simple touch		DTP401A61					DTP401A62	*6
19		MÔI	Điều khiển Simple touch	Bộ đổi nguồn AC	Cho Việt Nam	DTP401A62					
20	Thiết bị	Bộ chuyển đổi dây			BRP11B62					KRP4A98	*3
21		Bộ chuyển đổi dây cho phụ kiện điện(2)			KRP4AA51					KRP4A98	*3
22		Bộ chuyển đổi kỹ thuật số đầu vào			BRP7A51		—			KRP4A98	*3
23		Tấm gắn cho bộ chuyển đổi PCB			KRP4A98						*4,5
24	Cảm biến điều khiển từ xa	Cảm biến từ xa (cho nhiệt độ trong nhà)			BRCS01A-4						
25	Không dây	Bộ điều hợp kết nối mạng LAN không dây			BRP072C42-1		—				
26	Bơm nước xả	Bộ bơm nước xả			—		BDU24AMD2				

Lưu ý:
*1. Nếu lắp phin lọc hiệu suất cao và phin lọc tuổi thọ cao cho thiết bị thì cần có khoang lọc.
*2. Dây điện cho bộ điều khiển từ xa có dây phải được mua tại địa phương.
*3. Cần có tấm gắn (KRP4A98).
*4. Có thể cố định tối đa 2 bộ điều hợp cho mỗi tấm gắn.
*5. Chỉ có thể lắp đặt một tấm giá đỡ cho mỗi dàn lạnh.
*6. Dàn lạnh được trang bị tiêu chuẩn với bộ chuyển đổi giao diện cho series SkyAir. Không cần tùy chọn.

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH THẤP - CHIỀU CAO NHỎ GỌN

STT	Mục	Tên phụ kiện			Tên model	Phụ kiện bắt buộc-1	Lưu ý
					FDLF 40/50/60/71/85DV1		
1	Điều khiển từ xa	Simplified remote controller	Có dây		BRC2E61		*1
2		Điều khiển từ xa	Không dây	Một chiều lạnh	BRC4C66		
3	Cảm biến điều khiển từ xa	Cảm biến từ xa (cho nhiệt độ trong nhà)			BRCS01A-1		

Lưu ý:
*1. Dây điện cho bộ điều khiển từ xa có dây phải được mua tại địa phương.

TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN

STT	Mục	Tên phụ kiện			Tên model	Phụ kiện bắt buộc-1	Lưu ý
					FVA 50/60/71/100/125/140AMVM		
1	Phin lọc	Phin lọc thay thế tuổi thọ cao			KAF95M160		
2	Điều khiển từ xa	Navigation remote controller	Có dây		BRC1E63		*1
3		Điều khiển từ xa	Không dây	Một chiều lạnh	BRC4C66		
4				Hai chiều	BRC4C65		
5	Điều khiển	Điều khiển từ xa trung tâm			DCS302CA61		*2
6		Điều khiển BẬT/TẮT đồng nhất			DCS301BA61		*2
7		Bộ lập trình thời gian			DST301BA61		*2
8		intelligent touch controller			DCS601C51		*2
9		MỚI Điều khiển Simple touch			DTP401A61	DTP401A62	*2
10		MỚI Điều khiển Simple touch Bộ đổi nguồn AC Cho Việt Nam			DTP401A62		
11	Thiết bị	Bộ chuyển đổi dây			BRP11B61	KRP4AA95	*3
12		Bộ chuyển đổi dây cho phụ kiện điện(2)			KRP4AA52	KRP4AA95	*3
13		Hộp lắp đặt cho bộ chuyển đổi PCB			KRP4AA95		

Lưu ý:
*1. Dây điện cho bộ điều khiển từ xa có dây phải được mua tại địa phương.
*2. Dàn lạnh được trang bị tiêu chuẩn với bộ chuyển đổi giao diện cho series SkyAir. Không cần tùy chọn.
*3. Cần có hộp lắp đặt cho PCB bộ điều hợp (KRP4AA95).

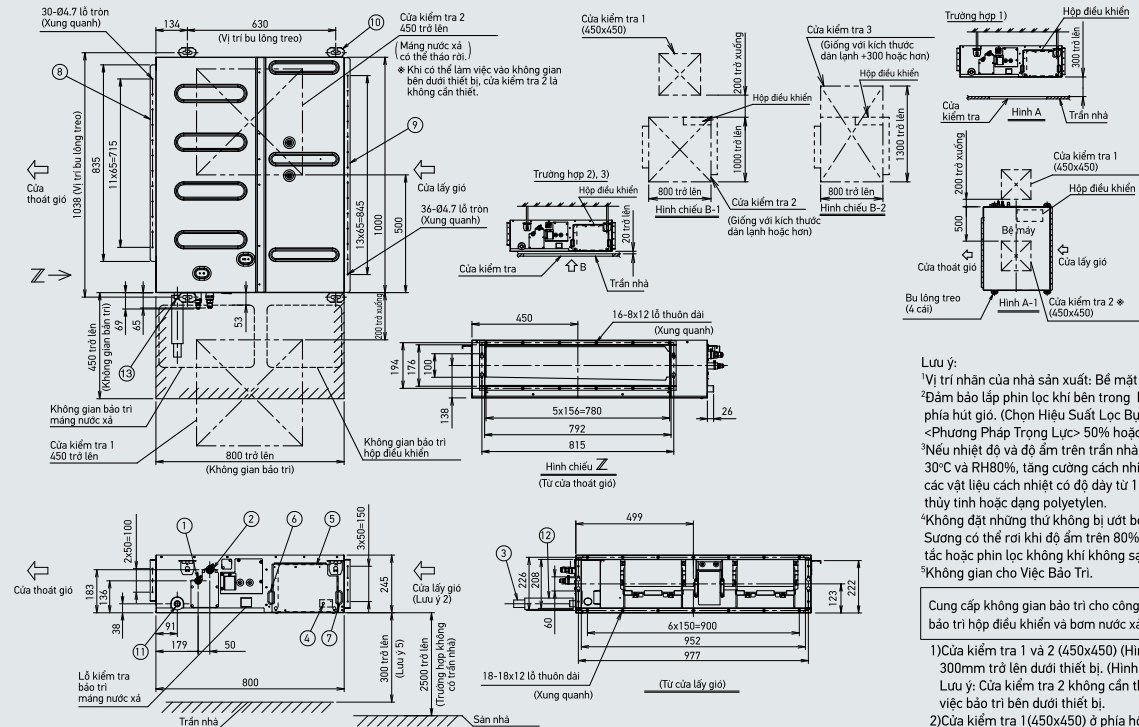
TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN

STT	Mục	Tên phụ kiện			Tên model	Phụ kiện bắt buộc-1	Lưu ý
					FVFC 71/85/100/125/140AV1		
1	Điều khiển từ xa	Điều khiển từ xa (SHIRO)	Có dây		BRC51D61		*1
2		Điều khiển từ xa	Không dây	Một chiều lạnh	BRC52A62		
3	Điều khiển	Intelligent touch controller			DCM601B51		
		Bộ điều hợp giao diện cho Intelligent Touch Manager (ITM)			KRP928BB2S		

Lưu ý:
*1. Dây dẫn cho điều khiển từ xa đi kèm với chiều dài 10 m.

GIẤU TRẦN NỔI ỒNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH

[FBFC71/85DVM9]



- | | | |
|---|--------------------------------|---------------------------------------|
| ① Kết nối ống lồng | ⑥ Kết nối dây điều khiển từ xa | ⑪ Cổng nước xả |
| ② Kết nối ống hơi | ⑦ Kết nối nguồn điện | ⑫ Ống nước xả (phụ kiện) |
| ③ Kết nối ống nước xả | ⑧ Mặt bích thổi gió | ⑬ Cổng kết nối ống nước xả (phụ kiện) |
| ④ Thiết bị nối đất (trong hộp điều khiển) | ⑨ Mặt bích hút gió | |
| ⑤ Hộp điều khiển (Bên trong) | ⑩ Ty treo | |

Lưu ý:

²Đảm bảo lắp phin lọc khí bên trong hệ thống ống gió ở phía hút gió. (Chọn Hiệu Suất Lọc Bụi <Phương Pháp Trọng Lực> 50% hoặc hơn.)

³Nếu nhiệt độ và độ ẩm trên trần nhà có kh

30°C và RH80%, tăng cường cách nhiệt bằng cách áp dụng các vật liệu cách nhiệt có độ dày từ 10mm trở lên như bông thủy tinh hoặc dạng polyetylen.

⁴Không đặt những thứ không bị ướt bên dưới dàn lạnh

Sương có thể rơi khi độ ẩm trên 80%, ổn

tắc hoặc phin lọc không khí k

³Không gian cho Việc Bảo Trì.

Cung cấp không gian bảo trì cho công việc bảo trì như kiểm tra và bảo trì hộp điều khiển và bơm nước xả bằng một trong các cách sau.

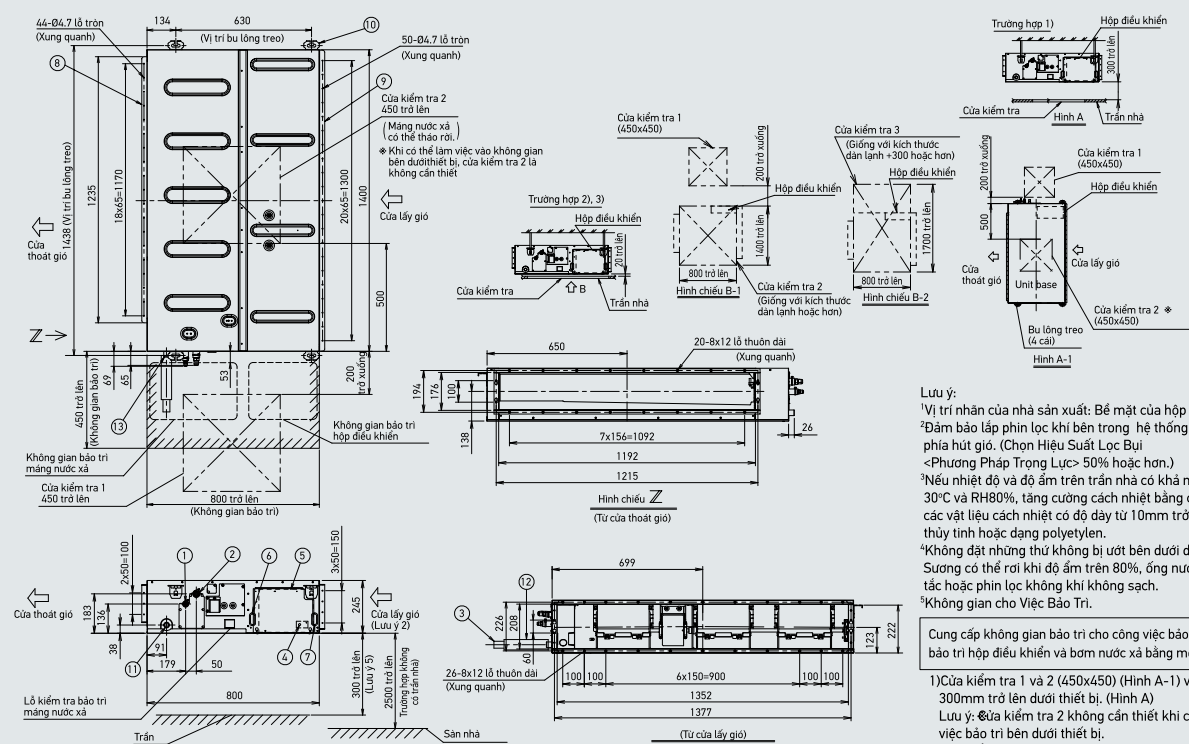
- 1) Cửa kiểm tra 1 và 2 (450x450) (Hình A-1) và một khoảng trống 300mm từ lên dưới thiết bị. (Hình A)
- Lưu ý: Cửa kiểm tra 2 không cần thiết khi có không gian cho công việc bảo trì bên dưới thiết bị.
- 2) Cửa kiểm tra 1 (450x450) ở phía hộp điều khiển và Cửa kiểm tra 2 bên dưới thiết bị. (Hình chiếu B-1)
- 3) Cửa kiểm tra 3 bên dưới thiết bị và hộp điều khiển. (Hình chiếu B-2)

- Cung cấp đủ không gian để bảo trì và lắp đặt máng nước xả và hộp điều khiển.
- Kiểm tra bản vẽ của các phụ kiện tùy chọn khi lắp các phụ kiện tùy chọn như khoang lọc và máy tạo âm.

3D124693B

GIẤU TRẦN NỔI ỒNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH

[FBFC100/125/140DVM9]



- | | | |
|---|--------------------------------|---------------------------------------|
| ① Kết nối ống lồng | ⑥ Kết nối dây điều khiển từ xa | ⑪ Cổng nước xả |
| ② Kết nối ống hơi | ⑦ Kết nối nguồn điện | ⑫ Ống nước xả (phụ kiện) |
| ③ Kết nối ống nước xả | ⑧ Mặt bích thổi gió | ⑬ Cổng kết nối ống nước xả (phụ kiện) |
| ④ Thiết bị nối đất (trong hộp điều khiển) | ⑨ Mặt bích hút gió | |
| ⑤ Hộp điều khiển (Bên trong) | ⑩ Ty treo | |

Lưu ý:

²Đảm bảo lắp phin lọc khí bên trong hệ thống ống gió ở phía hút gió. (Chọn Hiệu Suất Lọc Bụi <Phương Pháp Trọng Lực> 50% hoặc hơn.)

³Nếu nhiệt độ và độ ẩm trên trần nhà có kh.

30°C và RH80%, tăng cường cách nhiệt bằng cách áp dụng các vật liệu cách nhiệt có độ dày từ 10mm trở lên như bông thủy tinh hoặc dạng polyetylen.

⁴Không đặt những thứ không bị ướt bên dưới dàn lạnh

Sương có thể rơi khi độ ẩm trên 80%, ổn

tắc hoặc phin lọc không khí khi

Không gian cho Việc Bảo Trữ.

Cung cấp không gian bảo trì cho công việc bảo trì như kiểm tra và bảo trì hộp điều khiển và bơm nước xả bằng một trong các cách sau.

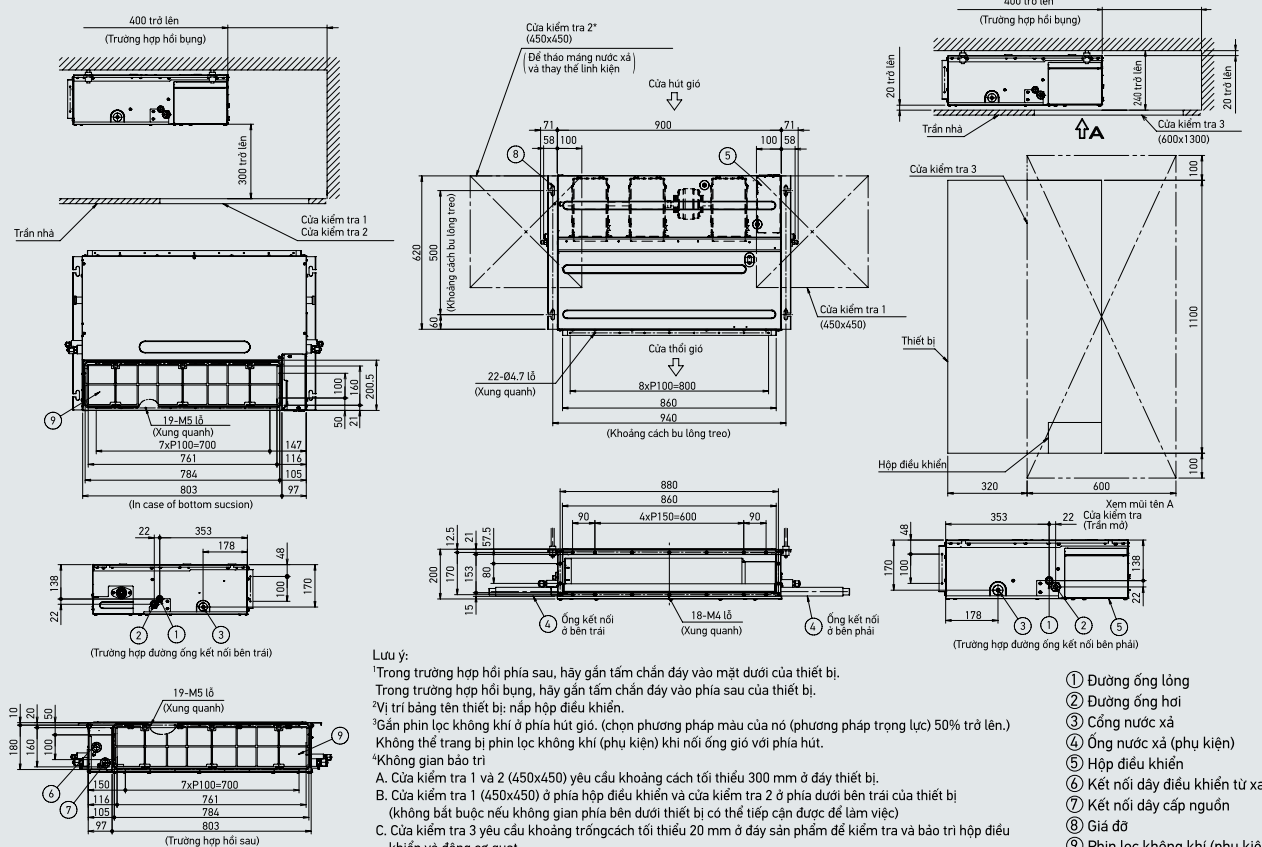
- 1) Cửa kiểm tra 1 và 2 (450x450) (Hình A-1) và một khoảng trống 300mm trở lên dưới thiết bị. (Hình A)
- Lưu ý: & Cửa kiểm tra 2 không cần thiết khi có không gian cho công việc bảo trì bên dưới thiết bị.
- 2) Cửa kiểm tra 1 (450x450) ở phía hộp điều khiển và cửa kiểm tra 2 bên dưới thiết bị. (Hình chiếu B-1)
- 3) Cửa kiểm tra 3 bên dưới thiết bị và hộp điều khiển. (Hình chiếu B-2)

- Cung cấp đủ không gian để bảo trì và lắp đặt máng nước xả và hộp điều khiển.
- Kiểm tra bản vẽ của các phụ kiện tùy chọn khi lắp các phụ kiện tùy chọn như khoang lọc và máy tạo âm.

3D124694E

GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH - CHIỀU CAO NHỎ GỌN

[FDLF40/50/60DV1]

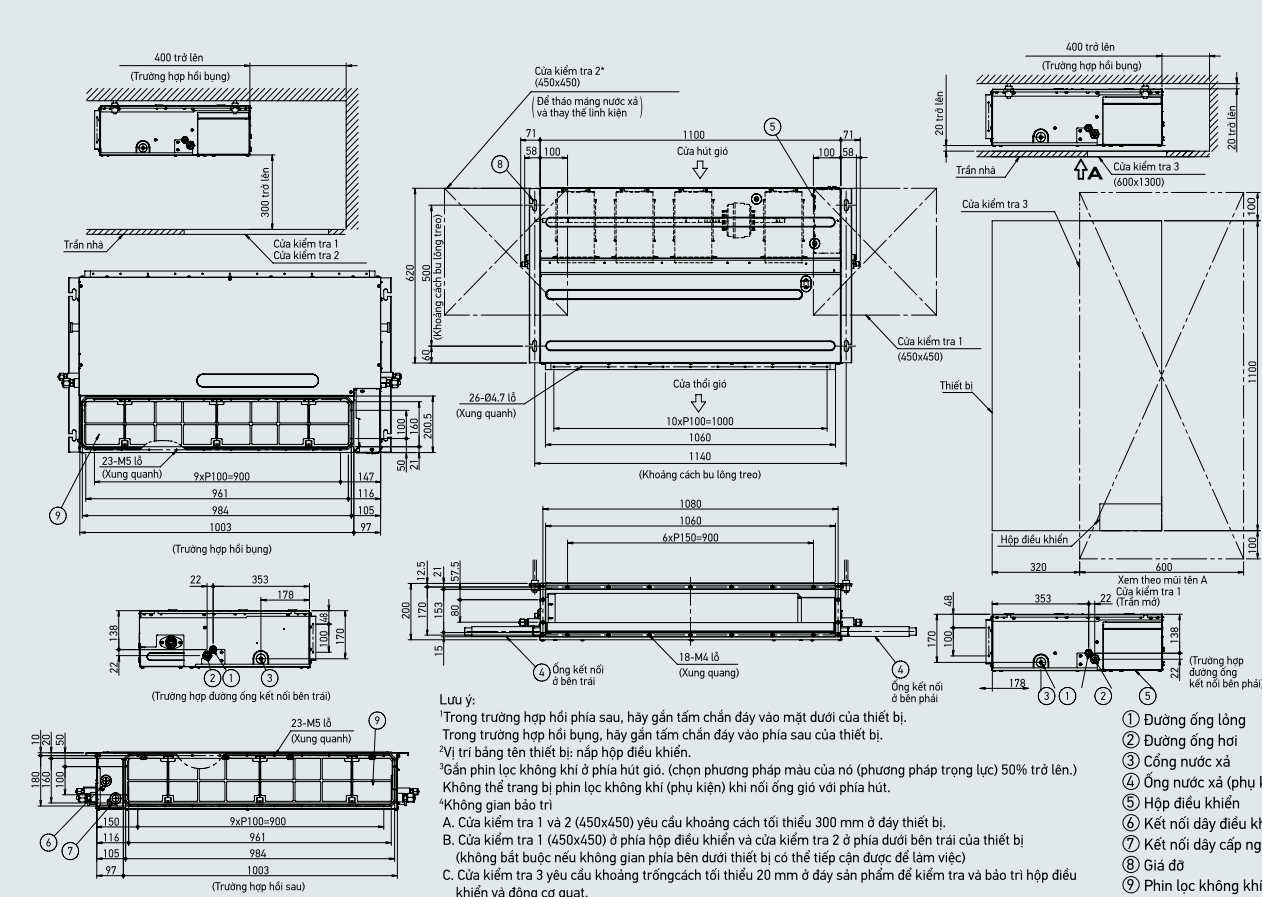


- ① Đường ống lồng
- ② Đường ống hơi
- ③ Cống nước xả
- ④ Ống nước xả (phụ kiện)
- ⑤ Hộp điều khiển
- ⑥ Kết nối dây điều khiển từ xa
- ⑦ Kết nối dây cấp nguồn
- ⑧ Giá đỡ
- ⑨ Phin lọc không khí (phụ kiện)

2D125920A

GIẤU TRẦN NỘI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH - CHIỀU CAO NHỎ GỌN

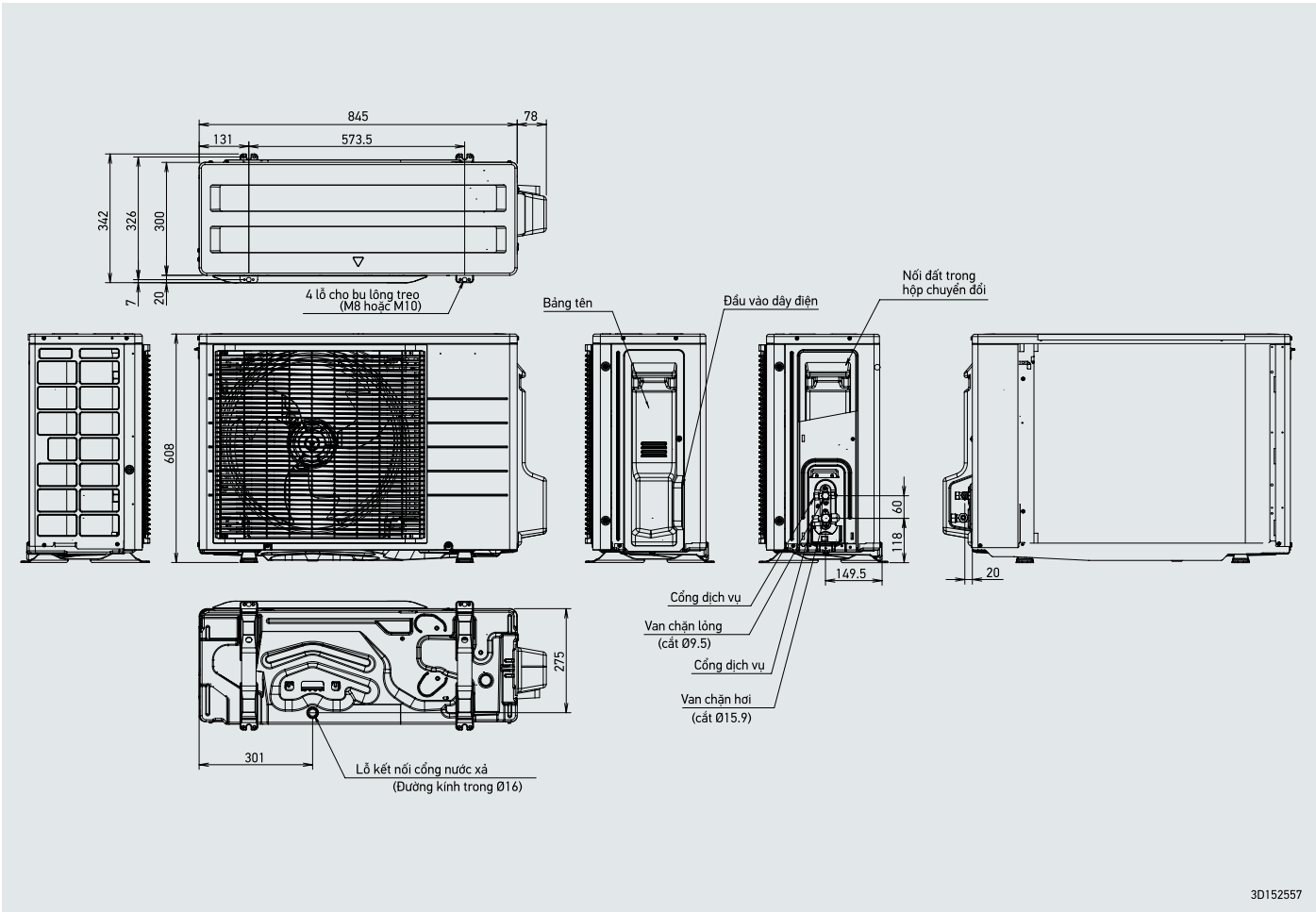
[FDLF71/85DV1]



- ① Đường ống lòng
- ② Đường ống hơi
- ③ Cổng nước xả
- ④ Ống nước xả (phụ kiện)
- ⑤ Hộp điều khiển
- ⑥ Kết nối dây điều khiển
- ⑦ Kết nối dây cấp nước
- ⑧ Giá đỡ
- ⑨ Phin lọc không khí (tùy chọn)

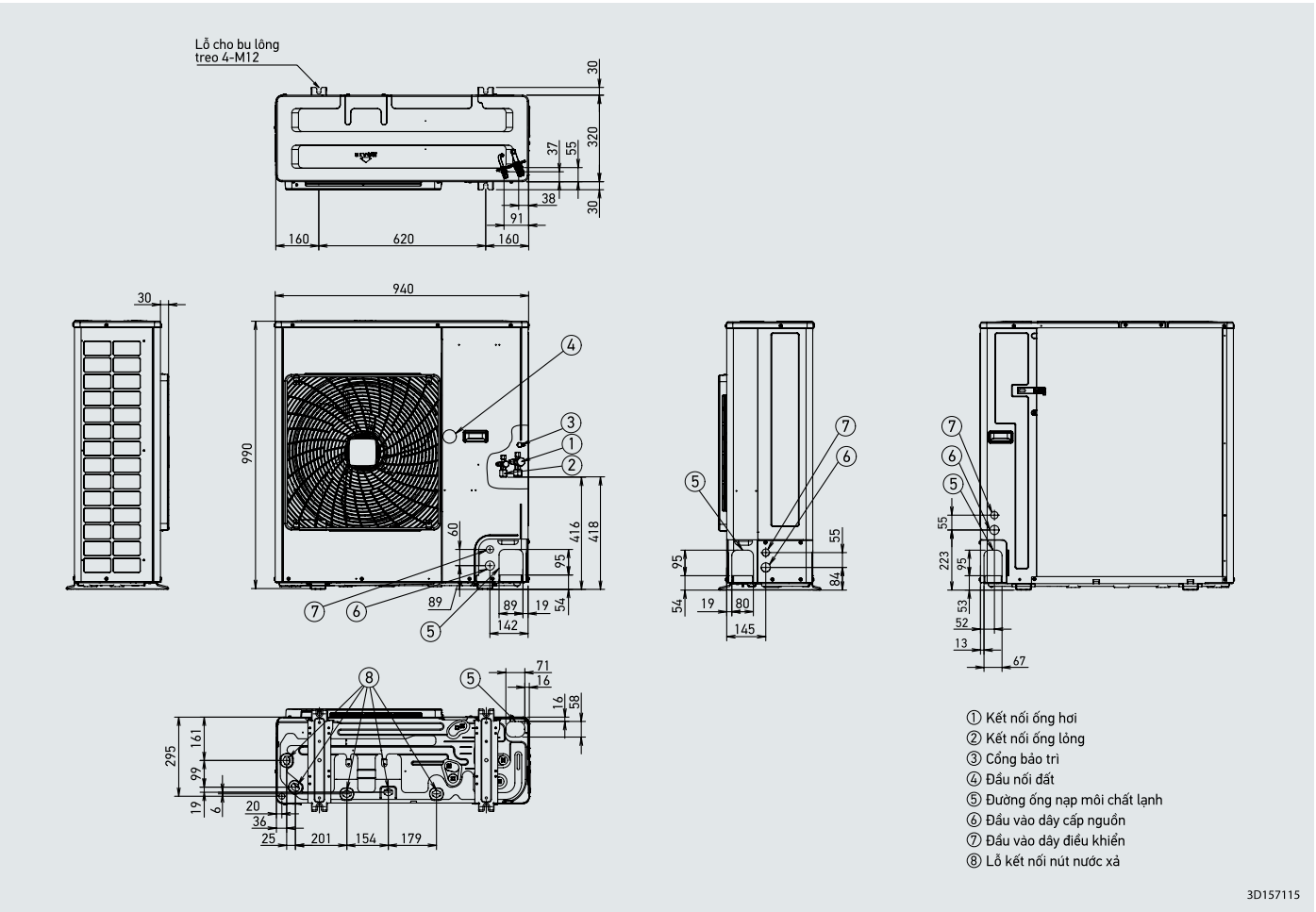
2D125597A

DÀN NÓNG // RZF50/60/71DVM



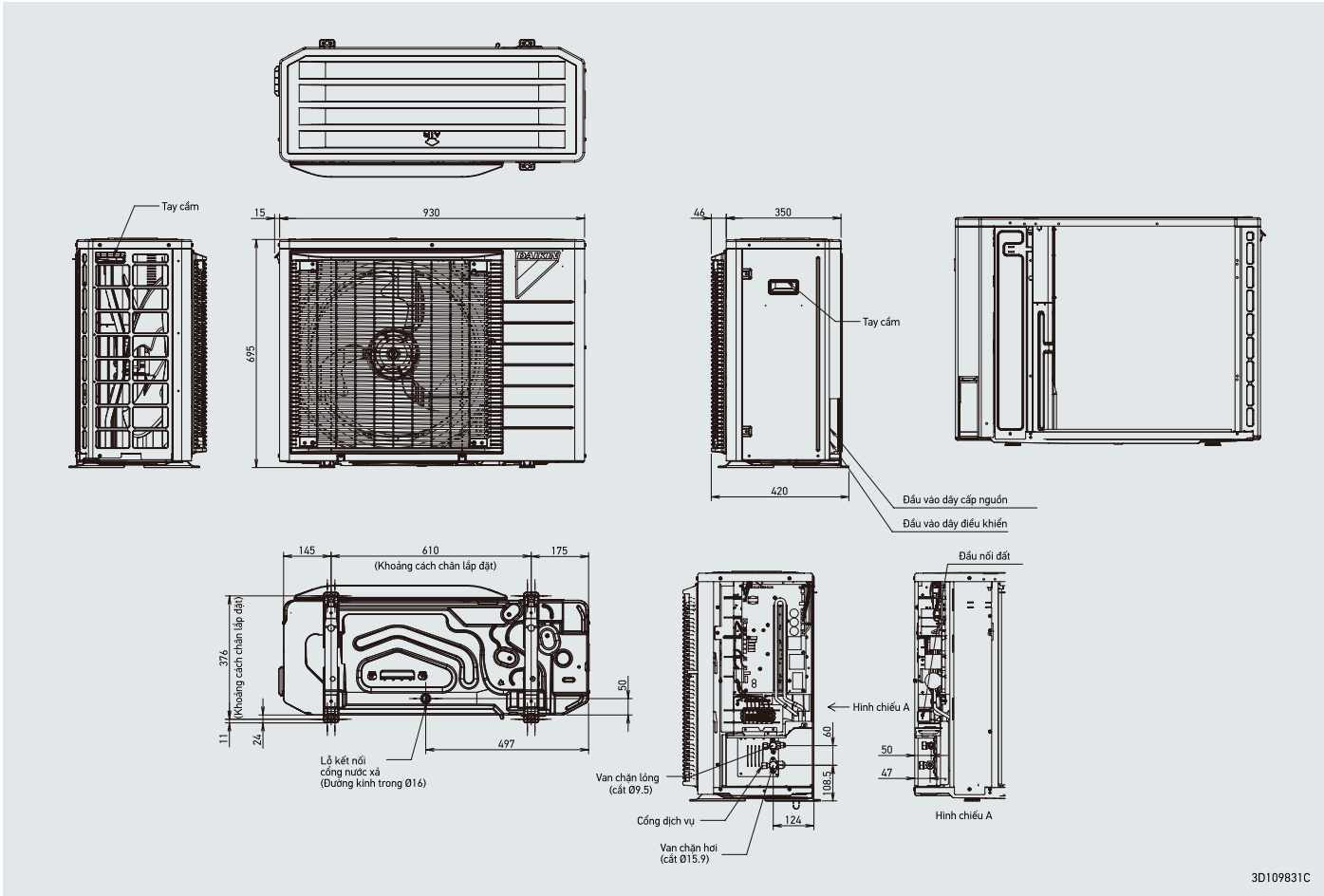
3D152557

DÀN NÓNG // RZF100/125/140DVM, RZF100/125/140DYM



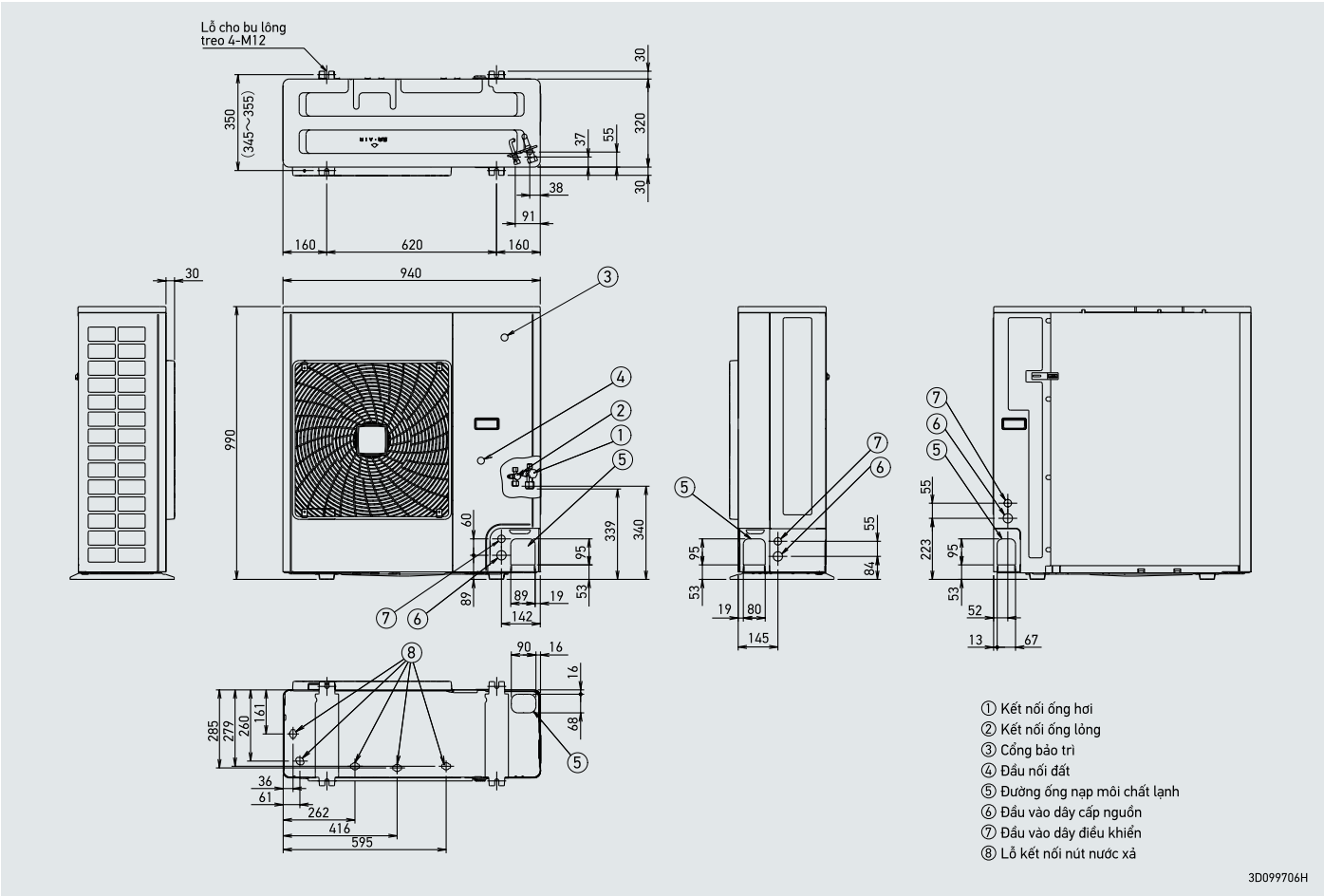
3D157115

DÀN NÓNG // RZF71DYM, RZF100CVM, RZF100CYM, RZFC71/85/100EY1



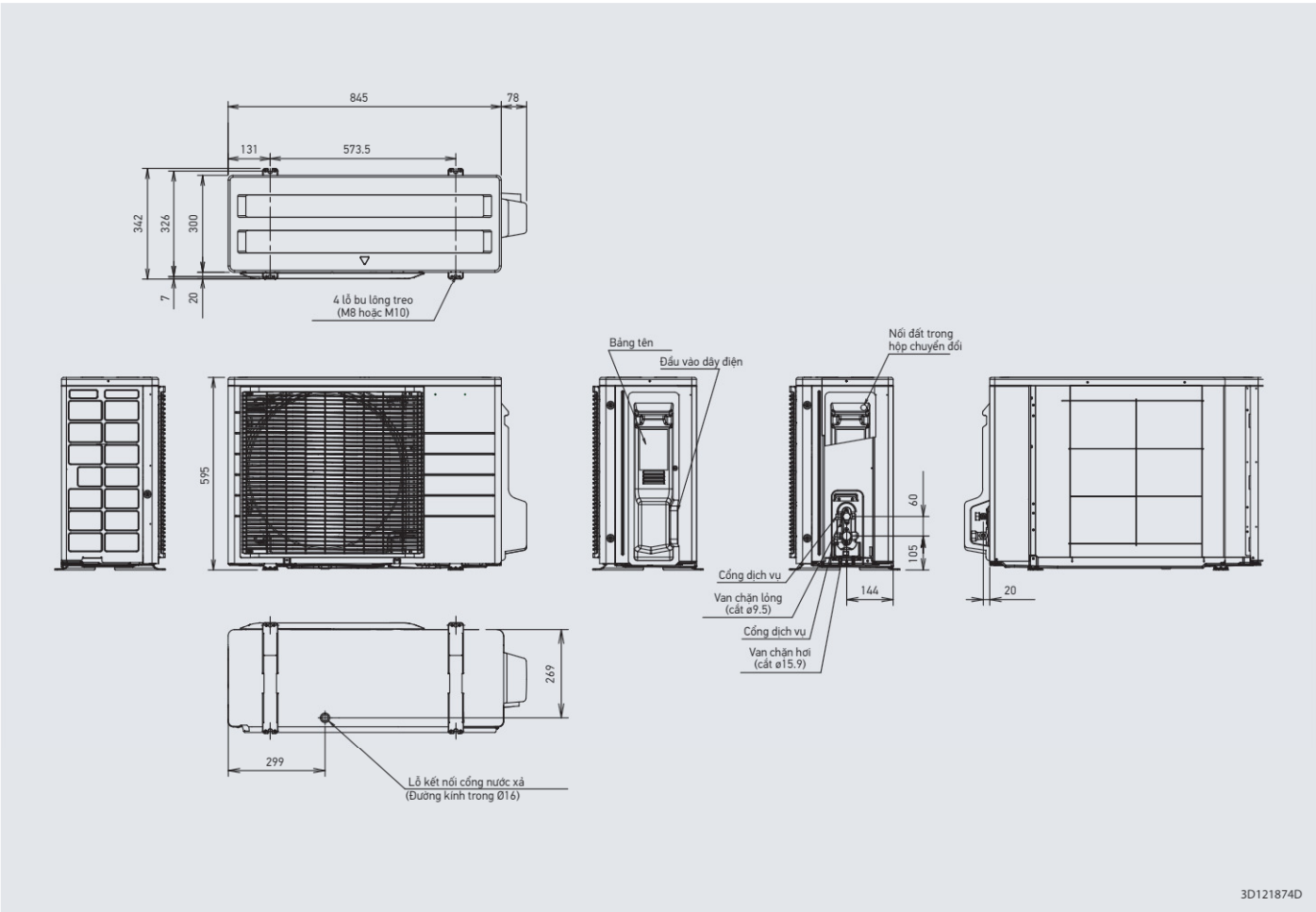
3D109831C

DÀN NÓNG // RZF125/140CVM, RZF125/140CYM, RZFC125/140EY1



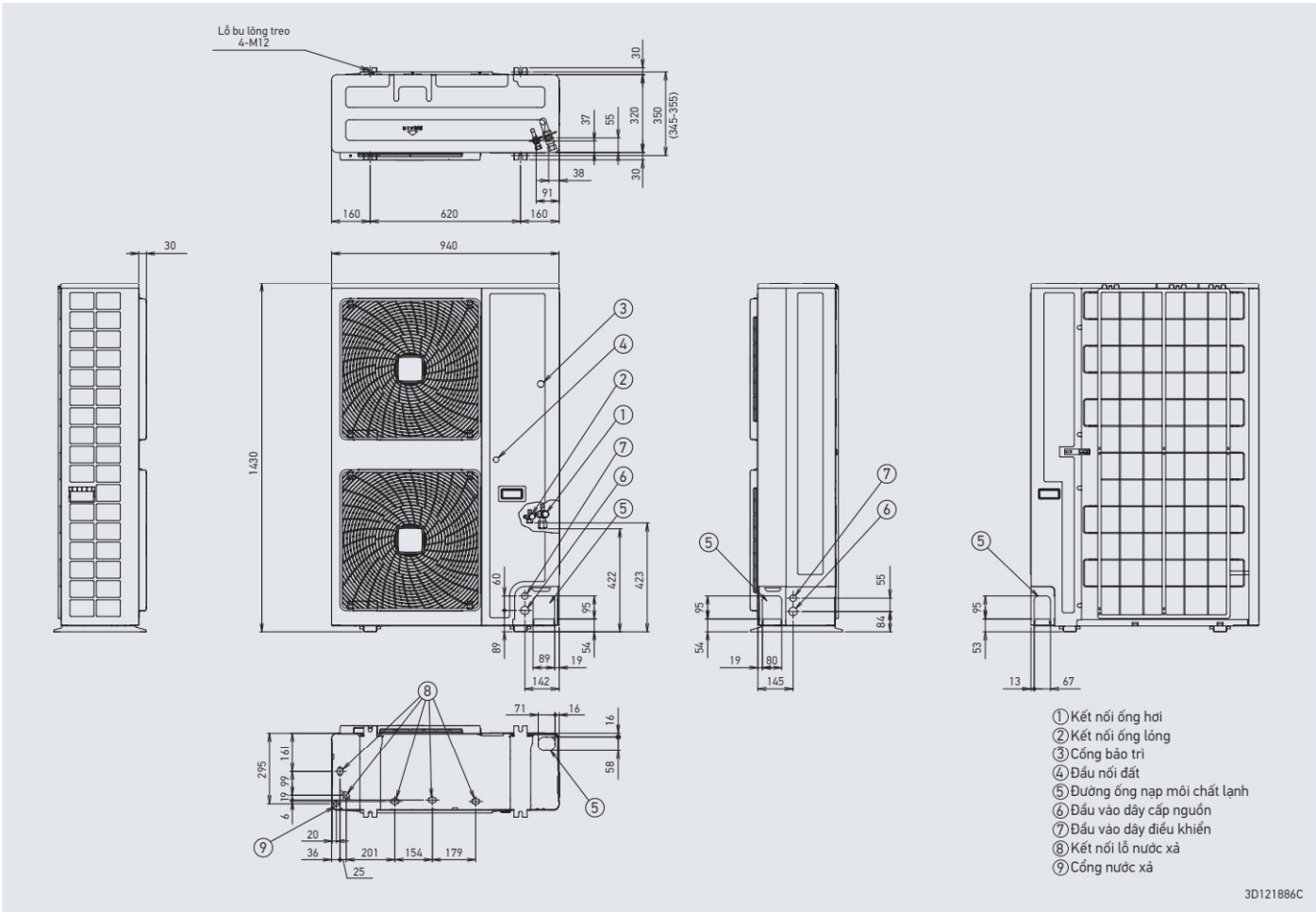
3D099706H

DÀN NÓNG // RZA50/60DV2V



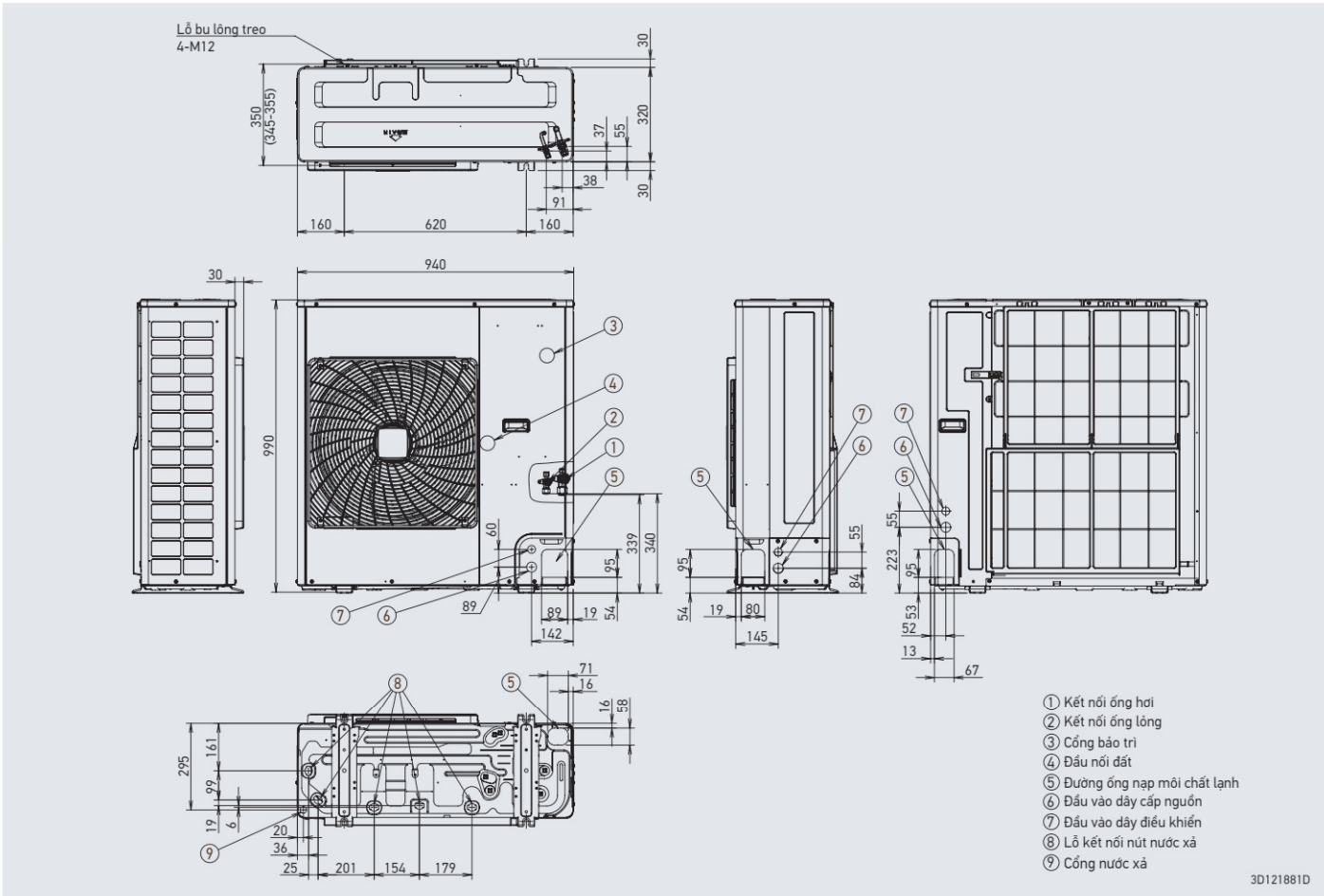
3D121874D

DÀN NÓNG // RZA125/140DV1, RZA100/125/140DY1



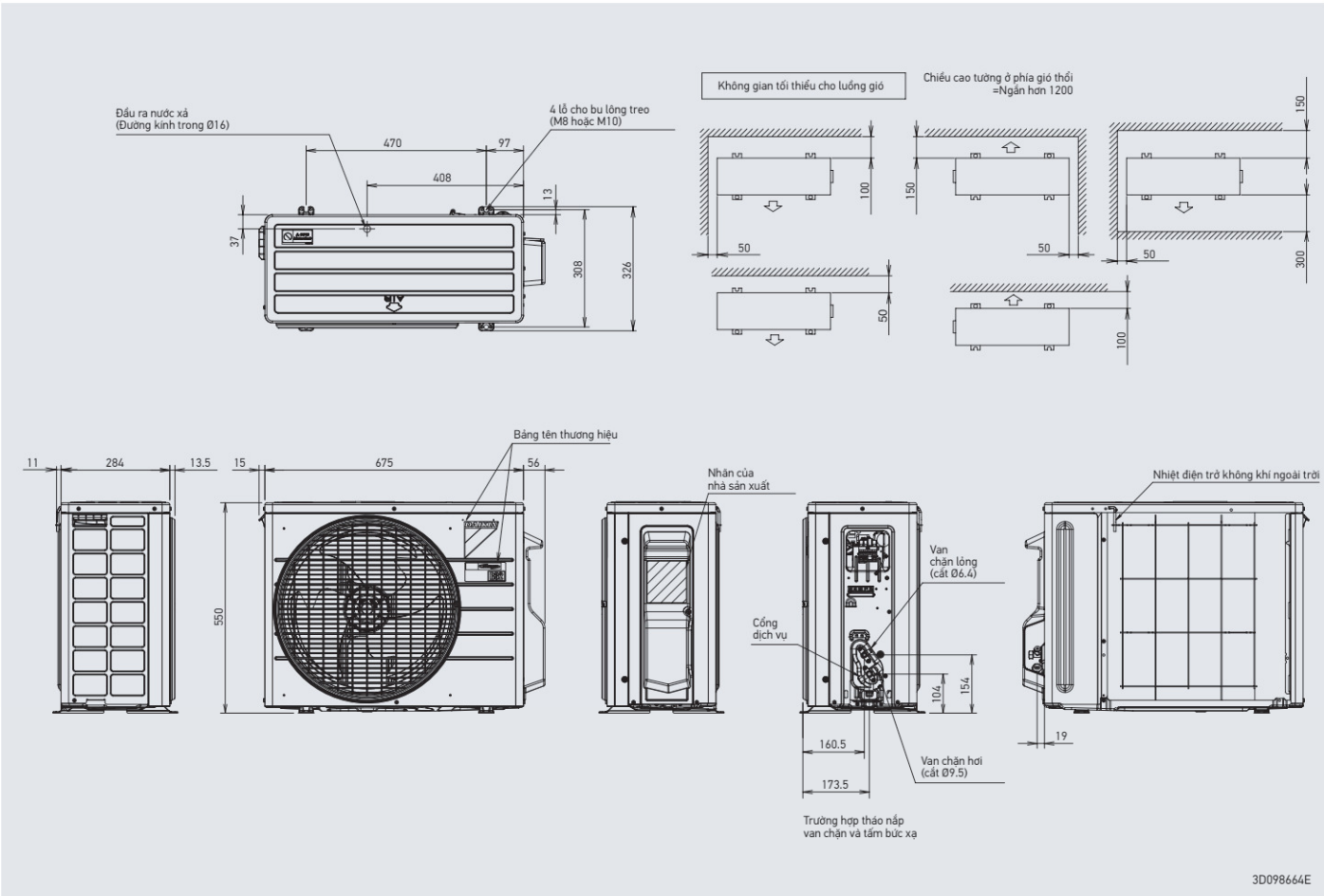
3D121886C

DÀN NÓNG // RZA71/100DV1



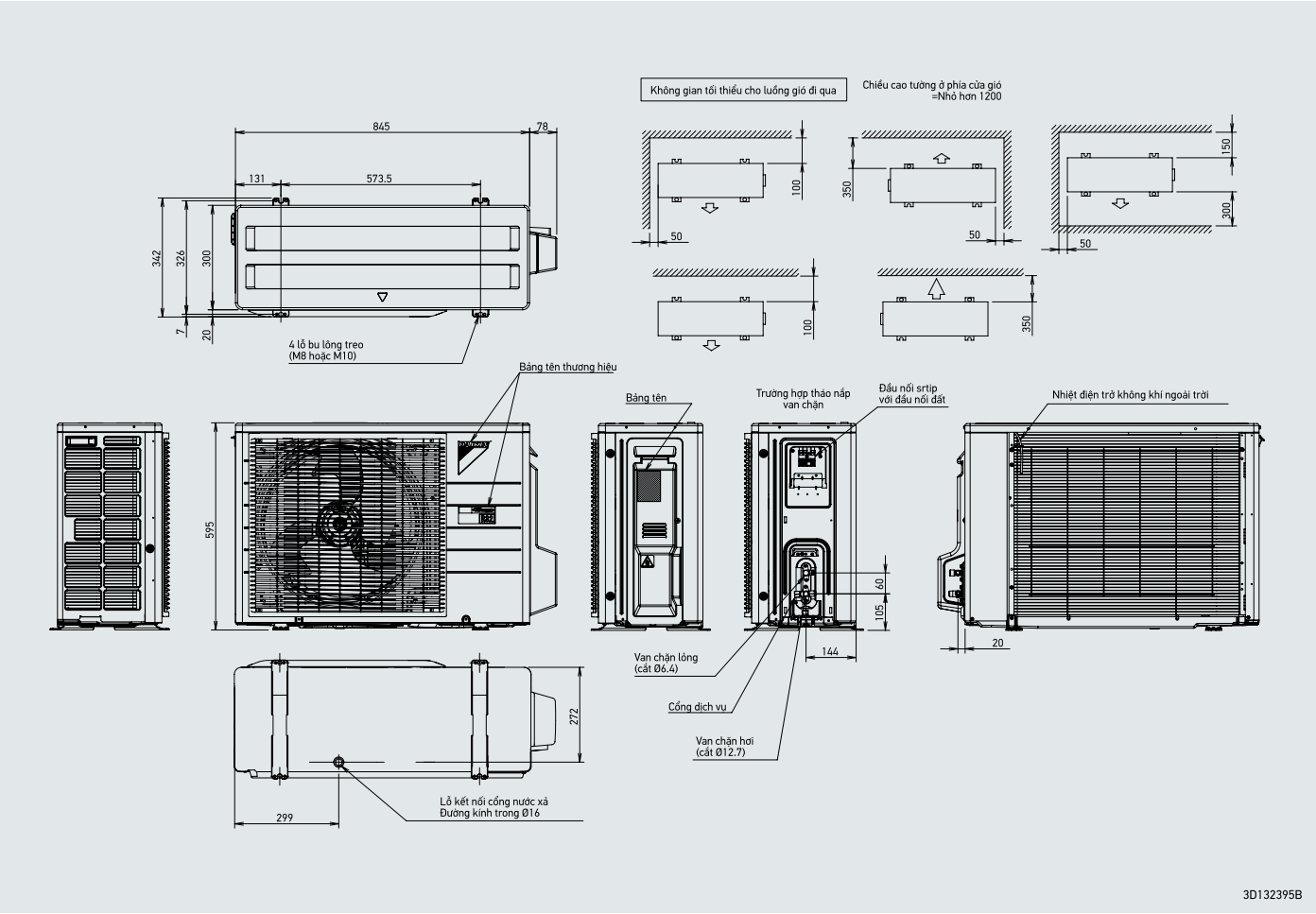
3D121881D

DÀN NÓNG // RZFC35EVM

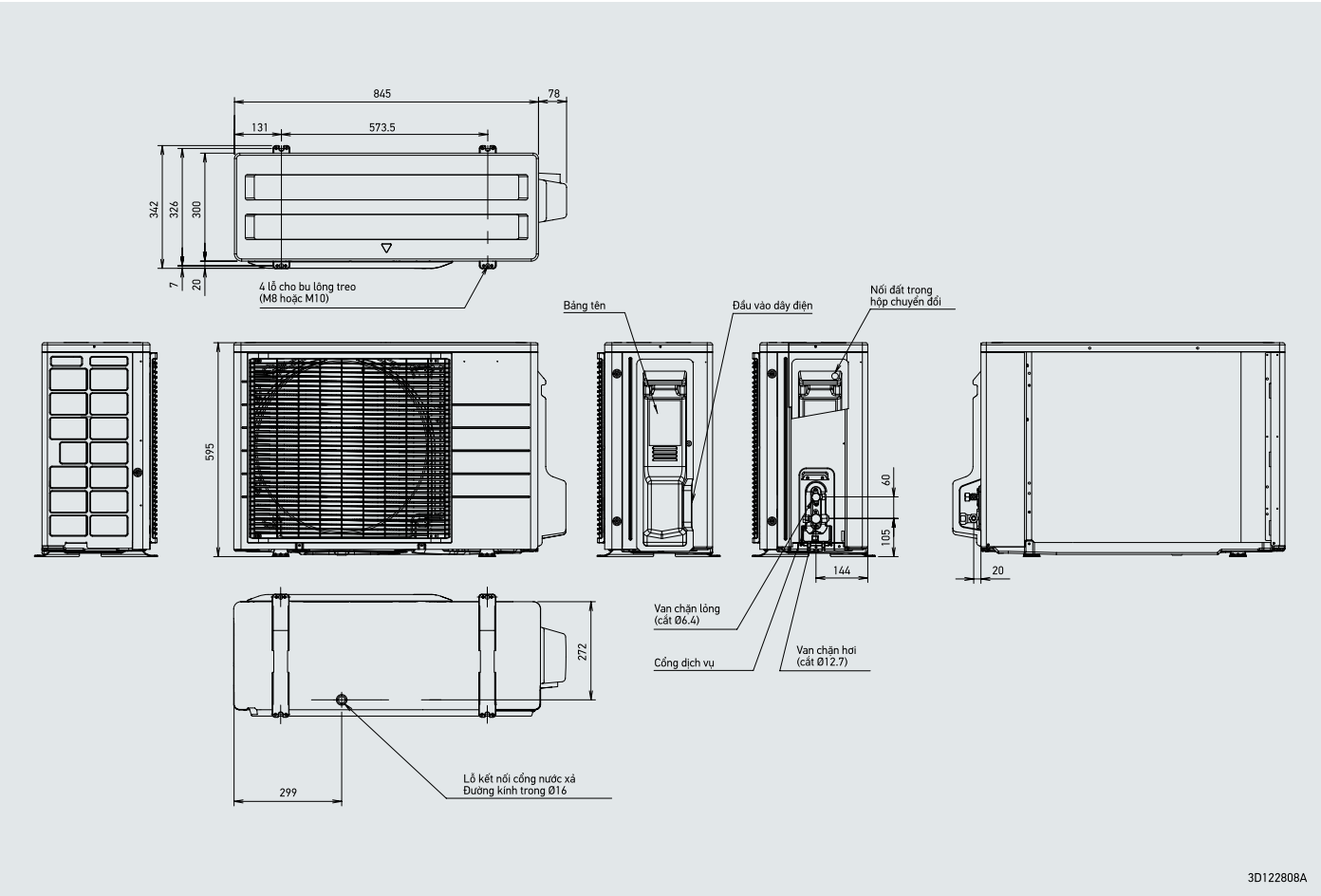


3D098644E

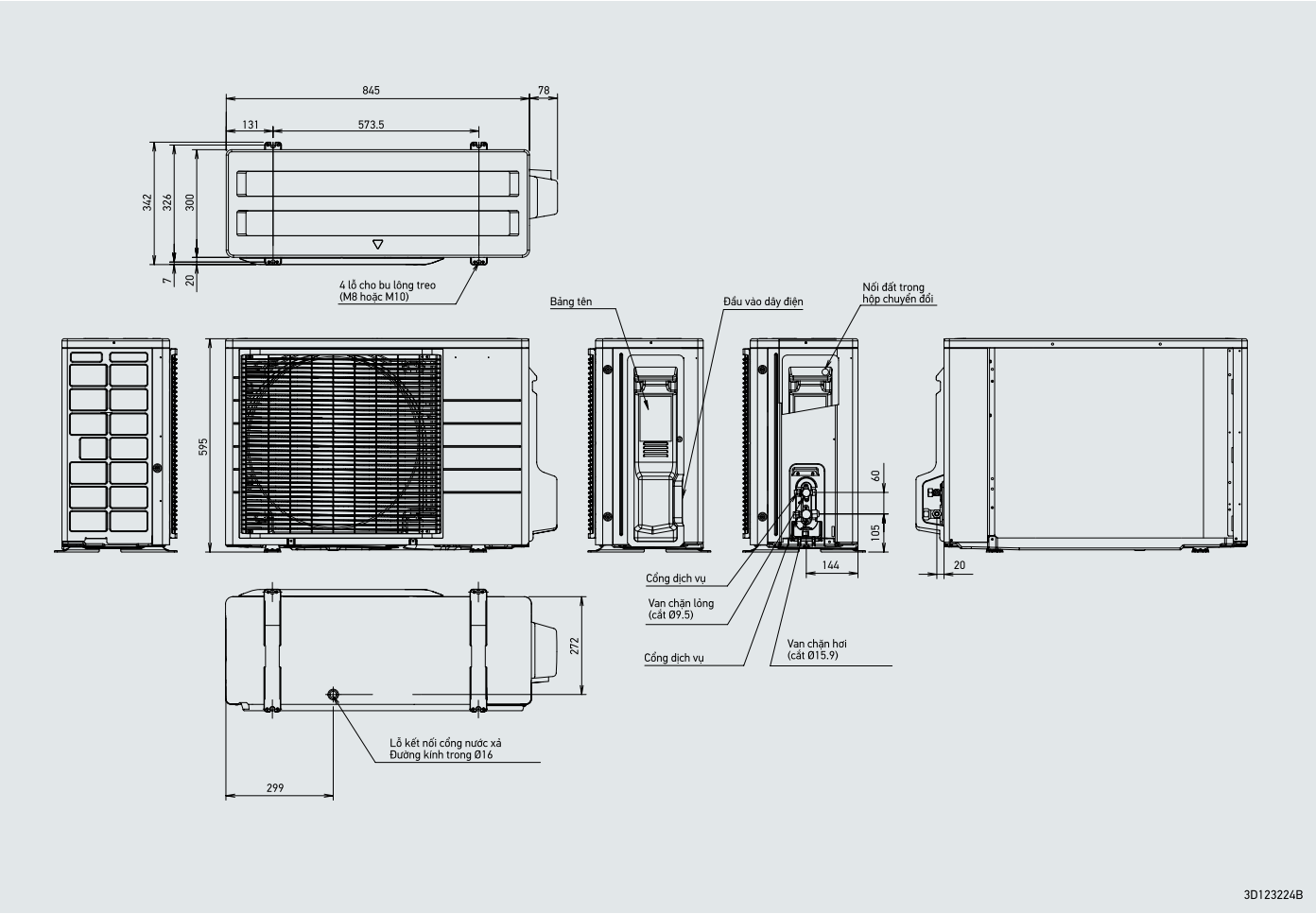
DÀN NÓNG // RZFC40/50EVM



DÀN NÓNG // RZFC60EVM



DÀN NÓNG // RZFC71EVM



DÀN NÓNG // RZFC85/100EVM

